

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 323/2025/HC-PT
Ngày 26 tháng 3 năm 2025
V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 1146/2024/TLPT-HC ngày 02 tháng 12 năm 2024 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 238/2024/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 626/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: Số H Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

- Người bị kiện:

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt);

2/ Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An:
Ông Nguyễn Văn Q – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện T,

tỉnh Long An:

+ Ông Nguyễn Hoàng N – Chức vụ: Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Long An (có mặt);

+ Ông Nguyễn Văn C – Chức vụ: Giám đốc Ban Quản lý dự án xây dựng huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Cổ phần Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H (Giấy ủy quyền số 35/UQ-THUTHUA/P.PC ngày 10/5/2025) (có mặt);

Địa chỉ: Khu dân cư T, Khu phố A, thị trấn T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là ông Nguyễn Văn Ú.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/9/2023 và lời trình bày của người khởi kiện trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa có nội dung:

Đối với Quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 17/8/2023 của UBND huyện T giải quyết khiếu nại lần đầu là chưa phù hợp theo quy định của pháp luật. Theo Đơn khiếu nại ngày 16/6/2023 của ông Ú cho rằng Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện kê biên, bồi thường đất đai, tài sản của ông Ú chưa thỏa đáng nhưng UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 là không phù hợp, ông Ú có yêu cầu thu hồi quyết định cưỡng chế này và UBND huyện T có ban hành Quyết định số 3090/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 điều chỉnh lại diện tích đất thu hồi thành 2.771,6m², nội dung điều chỉnh này UBND huyện T cho rằng phù hợp với hồ sơ và phương án bồi thường được duyệt không gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Ú là không đúng, bởi vì qua nhiều lần ban hành quyết định để điều chỉnh diện tích đất của ông Ú nhưng vẫn còn thiếu sót với diện tích đất thực địa đã thu hồi, diện tích đất còn thiếu không ghi nhận trong quyết định ít nhất là 150m².

Giá đất bồi thường chưa hợp lý vì theo Bảng giá bồi thường đất ở đô thị là 1.467.000đ/m², đất trồng cây hàng năm khác 400.000đ/m² nhưng giá hiện tại khi chuyển nhượng đất thổ là hơn 5.000.000đ/m², đất trồng cây hàng năm khác là hơn 1.500.000đ/m². Việc UBND huyện T đưa ra mức giá bồi thường rất thấp nên ông Ú không mua được đất giống như diện tích đất bị thu hồi. Hiện nay ông Ú không còn đất sản xuất nếu UBND huyện T không chấp nhận bồi thường theo giá thị trường hiện tại thì ông Ú yêu cầu UBND huyện T bồi thường đất cho ông Ú để ông Ú sống. Ông Ú yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xác định giá đất thị trường bình quân ở khu vực đất ở để bồi thường. Hơn nữa đất ông Ú sau này là đất khu dân cư Trung tâm hành chính huyện T nên có giá ít nhất là trên 15.000.000đ/m² nên cân nhắc khi xác định giá đất thị trường.

Đối với Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND huyện T không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông Ú là chưa phù hợp. Ngày 18/7/2023

ông Ú gửi đơn khiếu nại Thông báo số 685/TB-UBND ngày 13/7/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại. Ngày 09/3/2020 ông Ú đã gửi đơn khiếu nại đối với Quyết định số 6225/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND huyện T về việc thu hồi đất nhưng chưa được giải quyết. Quyết định số 5191/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND huyện T về việc điều chỉnh quyết định thu hồi đất chưa được công bố và ông Ú chưa nhận được quyết định này (chỉ biết khi có Thông báo số 685/TB-UBND đề cập đến quyết định này). Do đó, ông Ú khiếu nại là đúng. Việc UBND huyện T cho rằng đã có đơn xin rút khiếu nại là không đúng, bởi vì đối với Quyết định số 6225/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND huyện T về việc thu hồi đất dự án khu dân cư Trung tâm hành chính huyện T. Ngày 09/03/2020 ông Ú có làm đơn khiếu nại Quyết định số 6225/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND huyện T nhưng không được trả lời đến ngày 26/03/2020 Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mời ông Ú đến yêu cầu làm đơn khiếu nại Quyết định số 6225/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND huyện. Rồi Ban Q1 không tiền nên dự án hủy bỏ không thể giải quyết đơn, yêu cầu ông Ú rút đơn ngày 26/03/2020 ông Ú bị lừa đồng ý rút đơn ngày 26/03/2020. Sau đó ra Quyết định số 711 đình chỉ giải quyết khiếu nại mà ông Ú nhầm lẫn nhà đầu tư không tiền nên đình chỉ giải quyết khiếu nại của ông Ú. Sau đó, hơn 02 tháng ngày 15/05/2020 UBND huyện T có mời ông Ú lên giải thích, Chủ đầu tư không có tiền, ngưng không giải quyết, dân muốn làm gì thì làm, khiếu nại này không giải quyết. Khi đó, có biên bản đánh máy ông Ú tin tưởng ký cũng không đọc rõ nội dung. Trong biên bản làm việc giải quyết đơn kiến nghị công dân lúc 14 giờ ngày 15/05/2020 có ghi ông Nguyễn Văn Ú đồng ý rút đơn kiến nghị ngày 26/03/2020 sao không có đơn rút khiếu nại ngày 15/05/2020. Ông Ú khẳng định là không yêu cầu không có viết đơn rút khiếu nại ngày 15/05/2020. Đơn mà Ban Q1 là đơn đánh máy trà trộn mà ông Ú nhầm lẫn ký. Ngày 07/06/2023 ông Ú có phản ánh khiếu nại về vấn đề này nhưng ngày 24/6/2023 trước áp lực Quyết định số 517/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tiếp tục đánh máy đơn xin rút đơn tố cáo trà trộn đưa ông Ú và con ông Ú ký. Con ông Ú thấy ông Ú ký thì ký theo chỉ xác định là ông Ú có ký chứ không có thẩm quyền và trách nhiệm đơn đó. Do đơn này ông Ú không rõ không viết, do bị áp lực nên không có giá trị pháp lý. Đối với Quyết định số 5191/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND huyện về việc điều chỉnh Quyết định thu hồi đất của ông Nguyễn Văn Ú dự án: Khu dân cư Trung tâm hành chính huyện T là hoàn toàn ông Ú không biết, không nhận được quyết định này. Ủy ban hay người có thẩm quyền không có công bố hay tổng đạt cho ông Ú Quyết định số 5191/QĐ-UBND ngày 09/8/2021. Ông Ú chỉ nghe nói khi lúc tìm hiểu kể từ ngày 07/06/2023 sau quyết định 517 về việc cưỡng chế thu hồi đất, được biết Quyết định này khi nhận được Thông báo số 685/TB-UBND ngày 13/7/2023 trong thông báo có nêu Quyết định này. Ngày 17/7/2023 ông Ú có đến UBND huyện để xin photo Quyết định này nhưng cán bộ Ủy ban nhân dân huyện N1 qua Ban quản lý dự án hay Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư để photo Quyết định này. Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện ông Ú chưa nhận được, không có công bố cho ông Ú biết nếu Ủy ban cho rằng ông Ú đã nhận được hay công bố cho ông Ú biết được

thì Ủy ban cung cấp chứng cứ là biên bản ông Ú đã ký nhận, thật sự ông Ú chưa nhận được Quyết định mà cho rằng đã hết thời hiệu giải quyết khiếu nại là không đúng theo quy định của pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ú. Thời hạn 90 ngày được tính khi ông Ú phải biết được khi công bố Quyết định hoặc nhận được Quyết định. Tuy nhiên, ông Ú không nhận được Quyết định và không biết nội dung do không công bố làm sao nói hết thời hiệu giải quyết khiếu nại.

Do đó, việc UBND huyện không chấp nhận yêu cầu giải quyết khiếu nại của ông Ú là chưa phù hợp theo quy định của pháp luật. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án thời gian kéo dài để tránh ảnh hưởng đến quyền lợi.

Nay ông Ú làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An giải quyết những vấn đề sau:

- Hủy Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND huyện T, tỉnh Long An về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1965, địa chỉ tại Khu phố A, thị trấn T (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 17/8/2023 của UBND huyện T, tỉnh Long An về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1965, địa chỉ tại Khu phố A, thị trấn T (lần đầu).

Lý do yêu cầu hủy việc giải quyết khiếu nại lần đầu chưa thỏa đáng diện tích đất thu hồi qua các lần điều chỉnh trên quyết định vẫn còn thiếu ít nhất 150m² so với thực tế đã thu hồi, giá đất bồi thường rất thấp so với giá thị trường.

Tại đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 20/5/2024 của ông Nguyễn Văn Ú có nội dung:

- Hủy Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 20/5/2020 về việc đình chỉ khiếu nại ông Nguyễn Văn Ú của Chủ tịch UBND huyện T, đồng thời buộc UBND huyện T bồi thường tổn thất tinh thần 5.000.000 đ (Năm triệu đồng).

- Hủy Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất, đồng thời buộc UBND huyện T bồi thường tổn thất tinh thần 5.000.000 đ (Năm triệu đồng).

Tại Văn bản số 2215/UBND-NC ngày 23 tháng 4 năm 2024 của người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An có nội dung như sau:

Theo Báo cáo số 755/BC-TNMT ngày 15/4/2004 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T về việc phúc đáp Thông báo số 295/2013/TLST-HC ngày 07/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Ủy ban nhân dân huyện T có ý kiến như sau:

Đối với nội dung người khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An hủy các Quyết định nêu trên. UBND huyện T không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện, căn cứ hồ sơ đã được cung cấp, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Văn bản số 4808/UBND-NC ngày 12 tháng 8 năm 2024 của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An có nội dung như sau:

Theo Báo cáo số 1689/BC-TNMT ngày 08/8/2024 của Phòng T huyện về việc phúc đáp nội dung theo Thông báo số 295A/2024/TLST-HC ngày 19/7/2024 của TAND tỉnh Long An. UBND huyện T có ý kiến như sau:

Liên quan vụ án, ngày 23/4/2024, UBND huyện T có Công văn số 2215/UBND-NC về việc phúc đáp đến TAND tỉnh Long An.

Đối với nội dung người khởi kiện bổ sung, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An hủy các Quyết định nêu trên. UBND huyện T không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện, căn cứ hồ sơ đã được cung cấp, UBND huyện T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Trên đây là ý kiến của UBND huyện T phúc đáp đến Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 238/2024/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 143, Điều 165 và Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 62, Điều 66, Điều 69, Điều 70 và Điều 71 Luật Đất đai;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 của Luật Khiếu nại

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ vụ án đối với yêu cầu: Hủy Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 20/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc đình chỉ khiếu nại của ông Nguyễn Văn Ú.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ú đối với các yêu cầu:

2.1. Hủy Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm: 1965, địa chỉ: Khu phố A, thị trấn T (lần đầu).

2.2. Hủy Quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 17/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm: 1965, địa chỉ: Khu phố A, thị trấn T (lần đầu).

2.3. Hủy Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An về việc cưỡng chế thu hồi đất.

2.4. Buộc UBND huyện T bồi thường tổn thất tinh thần.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 02/10/2024, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn Ú kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện là ông Nguyễn Văn Ú trình bày:

Toà án cấp sơ thẩm chỉ tiến hành thẩm định mà không đo đạc, không xác định được chính xác phần diện tích đất đã tăng thêm trên thực tế của ông nên diện tích thu hồi đất không chính xác. Ủy ban nhân dân huyện T chưa ban hành văn bản nào về việc giải quyết đơn khiếu nại đề ngày 09/3/2020 của ông đối với Quyết định số 6225/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện T.

Phần diện tích đất mà ông san lấp có giá trị tối thiểu là 200.000 đồng/m², Ủy ban nhân dân huyện T chỉ chi trả cho 150.000 đồng/m². Tổng số tiền ông bỏ ra để thực hiện việc san lấp lớn hơn nhiều so với số tiền được bồi thường. Ngoài ra, chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Đ chưa giao số tiền đền bù là 500.000.000 đồng cho ông nên ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính lãi suất chậm trả của Công ty Cổ phần Đ đối với khoản tiền nêu trên và chi phí bồi thường tổn thất tinh thần của ông.

Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 20/5/2020 của Ủy ban nhân dân huyện T gây nhầm lẫn cho người dân và đồng thời che đậy việc không giải quyết đơn khiếu nại đề ngày 09/3/2020 của ông. Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T được ban hành không đúng quy định pháp luật vì ông chưa nhận được quyết định chi trả tiền bồi thường mà đã bị cưỡng chế. Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 và Quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 17/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T cũng được ban hành không có cơ sở. Những quyết định hành chính nêu trên đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của ông, khiến ông bị thiệt hại số tiền 15.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy những quyết định này.

Phần diện tích đất của ông được thu hồi để thực hiện Dự án với mục đích công cộng, đối với phần diện tích còn dư thì ông không được Ủy ban nhân dân huyện T xem xét cho tái định cư.

Toà án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên ông đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Toà án nhân dân tỉnh Long An giải quyết lại theo quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Nguyễn Hoàng N và ông Nguyễn Văn C thống nhất trình bày:

Ông Nguyễn Văn Ú cho rằng việc Toà án cấp sơ thẩm không tiến hành đo đạc là không có cơ sở vì hiện tại Dự án đang được thực hiện ở giai đoạn A, Trung tâm đo đạc có trách nhiệm thực hiện việc đo đạc. Đối với đơn khiếu nại của ông Ú, do đơn khiếu nại không đúng nên cán bộ Ủy ban nhân dân huyện T đã hướng dẫn ông Ú rút đơn và làm lại, ông Ú cũng đã ký tên vào biên bản làm việc. Đối với đơn giá bồi thường, Ủy ban nhân dân huyện T căn cứ theo Quyết định số 3013/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh L để tính

đơn giá là 150.000 đồng/m². Ngoài ra, mức bồi thường tổn thất tinh thần mà ông Ú đưa ra là không có cơ sở.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ú, giữa nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần Đ là ông Nguyễn Văn H trình bày:

Công ty Cổ phần Đ đã thực hiện việc chi trả số tiền đền bù cho ông Nguyễn Văn Ú là 500.000.000 đồng, con của ông Ú là 300.000.000 đồng và có đầy đủ các biên nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ú, giữa nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Ủy ban nhân dân huyện T đã căn cứ theo Quyết định số 3013/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh L để tính đơn giá bồi thường là đúng quy định. Ông Nguyễn Văn Ú cho rằng đơn giá nêu trên không phù hợp với giá thị trường là không có cơ sở chấp nhận. Ông Ú khiếu nại Quyết định số 5191/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 Ủy ban nhân dân huyện T. Đến ngày 13/7/2023, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Thông báo số 685/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Ú đối với Quyết định số 5191/QĐ-UBND. Ông Ú đã rút đơn khiếu nại nhưng sau đó lại tiếp tục gửi đơn khiếu nại. Các quyết định giải quyết khiếu nại đối với ông Ú đều đã được niêm yết công khai và đã hết thời hạn khiếu nại nên việc Ủy ban nhân dân huyện T không xem xét giải quyết là có căn cứ. Ngoài ra, yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần của ông Ú không có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ú, giữa nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ú, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Ngày 11/9/2023, ông Nguyễn Văn Ú khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 và Quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 17/8/2023 cùng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Ú; Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Ú là khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính tại Tòa án, còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

Ngày 19/7/2024, ông Nguyễn Văn Ú nộp đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 20/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại của ông Ú. Theo hồ sơ thể hiện ông Ú đã nhận được Quyết định số 711/QĐ-UBND nêu trên vào ngày 22/5/2020 (thông qua bưu điện). Do đó, thời hiệu khởi kiện đối với Quyết định số 711/QĐ-UBND nêu trên đã hết theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ vụ án đối với yêu cầu khởi kiện này của ông Ú là có căn cứ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành

Thực hiện dự án Khu dân cư trung tâm hành chính huyện T – giai đoạn 1, Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An ban hành Quyết định số 6225/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 thu hồi của ông Nguyễn Văn Ú diện tích 2.562,9m² đất. Ông Ú cho rằng Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi đất của ông Ú không đủ diện tích đất ông Ú đang quản lý, sử dụng nên ông Ú khiếu nại.

Sau khi kiểm tra lại diện tích đất thu hồi của ông Ú, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 5191/QĐ-UBND ngày 09/8/2020 về việc điều chỉnh quyết định thu hồi đất của ông Ú, theo đó điều chỉnh diện tích đất thu hồi của ông Ú từ 2.562,9m² thành 2.721,6m².

Ngày 25/5/2023, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 3090/QĐ-UBND về việc điều chỉnh quyết định thu hồi đất của ông Nguyễn Văn Ú, theo đó tiếp tục điều chỉnh diện tích đất thu hồi của ông Ú từ 2.721,9m² thành 2.771,6m².

Do ông Nguyễn Văn Ú không tự nguyện bàn giao đất nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An ban hành Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 về việc cưỡng chế thu hồi đất của ông Ú là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

Ngoài ra, không đồng ý với quyết định cưỡng chế thu hồi đất và thông báo không thụ lý khiếu nại nên ông Nguyễn Văn Ú khiếu nại. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 và Quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 17/8/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Ú

là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 18, các Điều 27, 29, 30, 31, 32 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.2] Về nội dung:

- Về xác định giá đất bồi thường:

Ông Nguyễn Văn Ú cho rằng qua nhiều lần ban hành quyết định để điều chỉnh diện tích đất của ông Ú nhưng vẫn còn thiếu sót với diện tích đất thực địa đã thu hồi, diện tích đất còn thiếu không ghi nhận trong quyết định ít nhất là 150m²; giá đất bồi thường chưa hợp lý vì theo bảng giá bồi thường đất ở đô thị là 1.467.000đ/m², đất trồng cây hàng năm khác 400.000đ/m² nhưng giá hiện tại khi chuyển nhượng đất thô là hơn 5.000.000đ/m², đất trồng cây hàng năm khác là hơn 1.500.000đ/m². Ông Ú yêu cầu Tòa án xác định giá đất thị trường bình quân ở khu vực đất ở để bồi thường. Hơn nữa đất ông Ú sau này là đất khu dân cư Trung tâm hành chính huyện T nên có giá ít nhất là trên 15.000.000đ/m² nên cân nhắc khi xác định giá đất thị trường.

Xét thấy, việc thu hồi đất của ông Nguyễn Văn Ú để thực hiện Dự án Khu dân cư Trung tâm hành chính huyện T – giai đoạn 1 thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

Khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 quy định nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

“Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”.

Đồng thời, khoản 1 Điều 15 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về nguyên tắc xác định giá đất cụ thể như sau:

“Căn cứ nguyên tắc định giá đất qui định tại Điều 112 của Luật Đất đai, phương pháp định giá đất quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 4 của Nghị định này và kết quả tổng hợp phân tích thông tin về thửa đất, giá đất thị trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá đất cụ thể”.

Căn cứ vào các quy định trên, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 3013/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 về việc phê duyệt lại hệ số điều chỉnh giá đất, bồi thường, chính sách hỗ trợ để thực hiện dự án Khu dân cư Trung tâm hành chính huyện T – Giai đoạn 1.

Căn cứ vào Quyết định số 3013/QĐ-UBND nêu trên, UBND huyện T ban hành Quyết định số 6135/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường (đợt 2).

Ngày 17/03/2021, UBND huyện T ban hành Quyết định số 1458/QĐ-UBND về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư và Quyết định số 5446/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông Nguyễn Văn Ú là đúng quy định của pháp luật. Ông Ú yêu cầu được bồi thường theo giá đất thị trường là không có cơ sở để chấp nhận.

- Về yêu cầu hủy Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 và Quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 17/8/2023.

Do các quyết định thu hồi và bồi thường đã có hiệu lực pháp luật nhưng ông Ú không tự nguyện chấp hành các quyết định này nên Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Ú là đúng quy định tại Điều 69 và Điều 71 Luật Đất đai.

Ông Ú khiếu nại không đồng ý với Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 517/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 và Quyết định số 3090/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 về việc điều chỉnh quyết định thu hồi đất của ông Ú từ diện tích đất bị thu hồi 2.721,9m² thành 2.771,6m². UBND huyện T ban hành Thông báo số 684/TB-UBND ngày 13/7/2023 về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu. Sau khi xác minh, ngày 17/8/2023, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 808/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại với nội dung bác các yêu cầu khiếu nại của ông Ú, là có cơ sở.

- Về yêu cầu hủy Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 25/8/2023.

Theo nội dung đơn khiếu nại ngày 16/6/2023 ông Ú còn khiếu nại Quyết định số 5191/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 và Quyết định số 6225/QĐ-UBND ngày 24/12/2019.

Đối với Quyết định số 6225/QĐ-UBND ngày 24/12/2019: ngày 09/3/2020, ông Ú có đơn khiếu nại Quyết định số 6225/QĐ-UBND đến UBND huyện T. Trong quá trình làm việc, ngày 26/3/2020, ông Ú làm đơn rút đơn khiếu nại. Ngày 20/5/2020, UBND huyện T ban hành Quyết định số 711/QĐ-UBND về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại của ông Ú. Đến ngày 16/6/2023, ông Ú tiếp tục khiếu nại Quyết định số 6225/QĐ-UBND nêu trên với lý do cho rằng có sự nhầm lẫn, do tin tưởng ký vào đơn rút khiếu nại soạn sẵn mà không đọc rõ nội dung. Tuy nhiên, việc khiếu nại của ông Ú đối với Quyết định số 6225/QĐ-UBND nêu trên đã hết thời hiệu theo quy định tại Điều 9 Luật Khiếu nại.

Đối với khiếu nại Quyết định số 5191/QĐ-UBND ngày 09/8/2021: Sau khi ban hành quyết định trên, UBND huyện T đã niêm yết tại UBND thị trấn Thủ Thừa và tại Khu phố A vào ngày 13/8/2021. Đến ngày 16/6/2023, ông Ú mới khiếu nại Quyết định số 5191/QĐ-UBND nêu trên là đã hết thời hiệu theo quy định tại Điều 9 của Luật Khiếu nại.

Do đó, UBND huyện T ban hành Thông báo số 685/TB-UBND ngày 13/7/2023 không thụ lý giải quyết khiếu nại đối với 02 quyết định trên là có căn cứ. Ông Ú tiếp tục khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 giải quyết bác khiếu nại của ông Ú; giữ nguyên Thông báo số 685/TB-UBND ngày 13/7/2023 là đúng quy định pháp luật.

Do có cơ sở xác định UBND huyện T và Chủ tịch UBND huyện T ban hành các quyết định đối với ông Ú là đúng quy định pháp luật nên ông Ú yêu cầu bồi thường thiệt hại là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ú, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện ông Nguyễn Văn Ú phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn Ú, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ vụ án đối với yêu cầu: Hủy Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 20/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc đình chỉ khiếu nại của ông Nguyễn Văn Ú.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ú đối với các yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm: 1965, địa chỉ: Khu phố A, thị trấn T (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 17/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm: 1965, địa chỉ: Khu phố A, thị trấn T (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Buộc UBND huyện T bồi thường tổn thất tinh thần.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Ú phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000113 ngày 03/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

4. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS Long An;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA (NTCL)(20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hòa Hiệp